

Báo cáo chiến lược tháng 7

Chuẩn bị cho vòng đua cuối

Nâng mục tiêu chỉ số lên 1.500 điểm, dựa trên tốc độ tiêm chủng nhanh hơn và thanh khoản được nới rộng

Mặc dù Việt Nam, đặc biệt là TP.HCM, vẫn còn nhiều địa điểm phong tỏa, nhưng nền kinh tế tiếp tục cho thấy khả năng phục hồi. Bước sang tháng 7, chúng tôi kỳ vọng đợt bùng phát Covid sẽ giảm dần khi được xét nghiệm và tiêm phòng diện rộng tại TP, đưa cả nước trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Bên cạnh việc duy trì quan điểm khả quan về lợi nhuận doanh nghiệp, chúng tôi kỳ vọng thanh khoản sẽ duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm 2021 nhờ dòng tiền từ NĐT cá nhân, cũng như hệ thống giao dịch mới của HOSE. Chúng tôi nâng mục tiêu VN-Index cuối năm lên 1.500 điểm (kỳ vọng tăng 6,5% cho nửa cuối 2021), trong đó đóng góp nhiều nhất từ bất động sản, bán lẻ, thép và phương tiện dịch vụ công ích.

Nền kinh tế khó có thể trật bánh

Sau khi tình hình số ca nhiễm Covid-19 ở các trung tâm sản xuất phía Bắc là Bắc Giang và Bắc Ninh giảm bớt, thì thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế đang hứng chịu đợt bùng phát tồi tệ nhất kể từ đại dịch cách đây một năm. Tuy nhiên, thành phố đang thực hiện đồng thời hai chiến dịch: (1) xét nghiệm Covid cho hơn 5 triệu người từ 29/6-10/7 tại tất cả các quận; và (2) đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng (10% dân số TP đã được tiêm chủng, cao hơn mức trung bình cả nước là 3,4%). Do đó, chúng tôi kỳ vọng đợt bùng phát Covid được kiểm soát vào tháng 7/2021 và sự phục hồi của nền kinh tế khó có thể bị "trật bánh". Do nền kinh tế tiếp tục thể hiện khả năng phục hồi (GDP Q2/2021 tăng 6,6%, cao hơn ước tính của chúng tôi là +6% nhưng thấp hơn kỳ vọng thị trường +7,2% n/n), nhóm chuyên gia vĩ mô của chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP ở mức 6,5% cho năm 2021.

Mục tiêu 1.500 điểm cho VN-Index với kịch bản cơ sở

Theo phương pháp tiếp cận từ dưới lên, chúng tôi nâng mục tiêu VN-Index cuối năm lên 1.500 điểm (+11,1% so với mục tiêu trước đó là 1.350 điểm, +6,5% so với 1.408 điểm đóng cửa vào ngày 30/06, với 17,5 lần P/E năm 2021, trung bình 2 năm +1SD). Mục tiêu dựa trên giả định 75% dân số được tiêm và đạt miễn dịch cộng đồng vào cuối tháng 6/2022 để tạo điều kiện thuận lợi cho đà tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi ước tính lợi nhuận doanh nghiệp sẽ tăng trưởng 35%/n/n, bù đắp cho mức giảm 8% của PE (so với PE TTM 19,1 lần vào ngày 30/6). Bên cạnh đó, hệ thống giao dịch mới của HOSE có thể đảm bảo thanh khoản cao hơn (trên 1 tỷ USD/ngày) và thúc đẩy tâm lý mua của NĐT nếu VN-Index đạt mức cao mới. Tốc độ tiêm chủng nhanh hơn hoặc chậm hơn có thể làm chệch hướng sự phục hồi kinh tế và đưa VN-Index đi lệch khỏi mục tiêu kịch bản cơ sở của chúng tôi là 1.500 điểm, dao động từ 1.650 điểm cho trường hợp tốt nhất (+17,2% so với mức hiện tại) đến 1.250 điểm cho trường hợp xấu nhất (-11,2%).

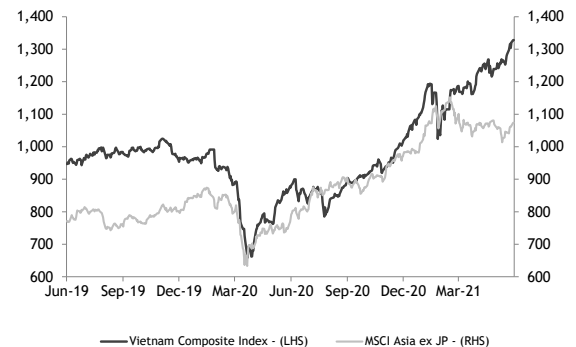
10 mã cổ phiếu được khuyến nghị bởi MKE

Đối với dự đoán VN-Index tăng 6,5% trong nửa cuối năm 2021, chúng tôi kỳ vọng BĐS (VHM, VRE), bán lẻ (MWG, PNJ), vật liệu (HPG) và phương tiện dịch vụ công ích sẽ đóng góp lớn nhất. Mặc dù ngành tài chính có thể tăng/giảm theo thị trường chung, nhưng chúng tôi vẫn nhận thấy cơ hội hấp dẫn ở các ngân hàng hàng đầu như VCB, TCB và VPB. Trong khi đó, các ngành tiêu dùng, sức khỏe, năng lượng và công nghiệp (đặc biệt là hàng không) tăng chậm hơn thị trường chung. Chúng tôi cho rằng đà tăng của giá dầu thô hiện tại và hầu hết các cổ phiếu năng lượng là ngắn hạn và sớm dịu lại. Do đó, 10 lựa chọn cổ phiếu hàng đầu của chúng tôi không thay đổi (tham khảo bảng bên phải).

Chuyên viên phân tích

Hoang Huy
(84 28) 44 555 888 ext 8181
hoanghuy@maybank-kimeng.com.vn

Country Index vs MSCI



Chỉ số TTCK Việt Nam

VNIndex	2020	2021F	2022E
P/E (x)	17,3	15,2	12,3
EPS growth (%)	(0,8)	27,2	22,0

Lưu ý: Theo BB, ngày 30/06/2021

MKE VN Top 10

STT	Mã CP	Vốn hóa (nghìn tỷ đ)	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	TT (%)
1	VCB	431,7	Mua	116,4	128,3	10,2
2	VHM	388,2	Mua	118	120	1,7
3	HPG	230,4	Mua	51,5	65	26,2
4	TCB	184,5	Mua	52,7	78	48
5	VPB	165	Mua	67,7	70,5	4,1
6	ACV	163,9	Mua	75,3	88	16,9
7	VRE	73,9	Mua	31,8	41,7	31,3
8	MWG	70,3	Mua	152	179	18,8
9	PNJ	22,8	Mua	100,1	116	18
10	GMD	13	Mua	43	49,9	16

Lưu ý: Dữ liệu cập nhật ngày 30/06/2021

1. Nền kinh tế khó có thể bị trật bánh

Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế của Việt Nam, vẫn ghi nhận bình quân khoảng 200 ca nhiễm mỗi ngày sau một tháng giãn cách vì thành phố này đang hứng chịu đợt bùng phát tồi tệ nhất kể từ đại dịch cách đây một năm. Chỉ thị số 10 từ UBND Thành phố, với một số điều chỉnh liên quan đến Chỉ thị số 16, có thể sẽ vẫn được áp dụng vào tháng 7. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng sẽ có cơ hội cho Thành phố Hồ Chí Minh khi thực hiện đồng thời hai chiến dịch:

(1) Xét nghiệm 5 triệu người từ ngày 29 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7 tại các khu vực có nguy cơ cao ở tất cả các quận để xác định và cách ly các trường hợp Covid.

(2) Đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng. Trong 9 ngày từ 19 - 27/6, TP.HCM đã tiêm 710.000 mũi vắc xin, nâng tổng số mũi tiêm của thành phố lên khoảng 850.000 mũi, tương đương 10% dân số, cao hơn mức trung bình cả nước là 3,4%. Trong tháng 7, khoảng 8 triệu liều dự kiến sẽ được chuyển đến Việt Nam, trong đó chúng tôi dự kiến số lượng lớn sẽ được phân phối đến TP.HCM.

Các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Bắc Ninh và Hà Nội,... mất khoảng 2 tháng (tháng 5 và tháng 6 năm 21) để kiểm soát sự lây lan, chúng tôi kỳ vọng sẽ thấy sự phát triển tích cực tương tự ở Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 7/2021 do các chiến dịch ở trên được thực hiện tích cực.

Nền kinh tế đã bị rung chuyển nhẹ do dịch bệnh bùng phát nhưng vẫn tiếp tục cho thấy khả năng phục hồi. GDP tăng 6,6% n/n trong Q2/2021, cao hơn ước tính của chúng tôi là +6% nhưng thấp hơn kỳ vọng của thị trường là +7%. Bước sang nửa cuối năm 2021, như chúng tôi dự đoán đợt bùng phát Covid sẽ được ngăn chặn vào tháng 7/2021, do đó sự phục hồi của nền kinh tế khó có thể bị trật bánh. Nhóm chuyên gia vĩ mô của chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP ở mức +6,5% cho năm 2021, mặc dù rủi ro giảm hiện đang cao hơn do việc triển khai vắc xin chậm chạp (tham khảo Kinh tế Việt Nam: GDP Q2 phục hồi ở mức khiêm tốn, rủi ro về Covid-19 vẫn hiện diện).

2. Mục tiêu 1.500 điểm cho VNIndex với kịch bản cơ sở

Theo phương pháp tiếp cận từ dưới lên, chúng tôi nâng mục tiêu VNIndex cuối năm lên 1.500 điểm (+11,1% so với mục tiêu trước đó là 1.350 điểm và +6,5% so với 1.408 điểm đóng cửa vào ngày 30/6), với 17,5 lần PE năm 2021 (trung bình 2 năm + 1SD), dựa trên các giả định sau:

- Đợt bùng phát Covid thứ 4 tại Hồ Chí Minh sẽ được khắc phục vào tháng 7/2021.

- Việc tiêm chủng sẽ diễn ra suôn sẻ hơn nhờ lượt về hàng ổn định của vắc xin. Việt Nam dự kiến sẽ nhận được 150 triệu liều và tiêm chủng cho 75% dân số vào cuối nửa đầu năm 2022. 1 hoặc 2 đợt bùng phát mới có thể xảy ra cho đến khi Việt Nam đạt được miễn dịch cộng đồng.

- Nền kinh tế có thể tiếp tục xu hướng tăng trưởng sau đợt bùng phát dịch Covid lần thứ 4 và việc tiêm chủng trên toàn quốc. Lợi nhuận doanh nghiệp năm 2021 tăng trưởng 35% n/n dựa trên dự báo của chúng tôi, bù đắp cho mức giảm 8% của P/E (PE đạt 17,5 lần vào cuối năm so với 19,1 lần PE TTM vào ngày 30/06).

- Dòng tiền trọng yếu từ NĐT cá nhân trong nước, giữ thanh khoản trên 1 tỷ USD mỗi phiên. Hệ thống giao dịch mới của HOSE dự kiến đi vào hoạt động vào ngày 5/7 và sẽ tăng công suất xử lý gấp 5 lần lên 3-5 triệu lệnh mỗi ngày, hỗ trợ thanh khoản cao hơn nếu VNIndex đạt mức cao mới.

Việc triển khai vắc xin là chất xúc tác quan trọng cho sự tăng trưởng của nền kinh tế và thị trường chứng khoán trong 12 tháng tới. Tốc độ nhanh hơn hoặc chậm hơn so với kịch bản cơ sở nói trên của chúng tôi có thể làm chệch hướng sự phục hồi kinh tế và đưa VNIndex ra khỏi mục tiêu ban đầu là 1.500

điểm, dao động từ 1.650 điểm đối với trường hợp tốt nhất (+17,2% so với 1.408 điểm đóng cửa vào ngày 30/06), 1.250 điểm cho trường hợp xấu nhất (-11,2%).

Hình 1: Các kịch bản mục tiêu của VNIndex

	KB cơ sở	KB khả quan	KB tiêu cực
Tăng trưởng LN công ty (%)	35	45	17
Giá mục tiêu (điểm)	1.500	1.650	1.250
Lợi nhuận (% so với 1.408 điểm vào ngày 30 tháng 6)	6,5	17,2	-11,2
PE	17,5	17,9	16,9

Nguồn: MKE VN. Cập nhật 30/06/2021

3. Đổi trụ dẫn dắt thị trường

Đối với kỳ vọng của chúng tôi là VNIndex tăng 6,5% trong 6 tháng cuối năm 2021, thì bất động sản, bán lẻ, vật liệu (thép) và phương tiện dịch vụ công ích sẽ đóng góp lớn nhất. Ngành tài chính dẫn dắt thị trường trong 6 tháng đầu năm, có mức tăng tương đương thị trường khi định giá của một nửa số cổ phiếu ngân hàng đã kéo quá căng. Tương tự, định giá ở ngành tiêu dùng không thiết yếu cho thấy bức tranh lẫn lộn với định giá quá cao (ô tô và phụ tùng) và định giá thấp (bán lẻ). Cũng trong ngành này, hàng tiêu dùng thiết yếu, chăm sóc sức khỏe và công nghiệp (đặc biệt là hàng không) tiếp tục là những ngành tăng thấp hơn mức tăng của thị trường. Trong khi đó, chúng tôi cho rằng đà tăng hiện tại của giá dầu thô và cổ phiếu năng lượng là ngắn hạn và sẽ sớm dịu lại.

Hình 2: Lợi nhuận ngành trong nửa sau năm 2021 theo các kịch bản

Ngành	Tỷ trọng	KB cơ sở	KB khả quan	KB tiêu cực	Lưu ý
Hàng tiêu dùng	6,00%	-	-	-	Trái chiều khi có ngành được định giá thấp hoặc định giá quá cao.
Ô tô và phụ tùng	3,40%	-36,60%	-32,20%	-38,50%	Lợi nhuận kỳ vọng bị lệch do định giá quá cao của một số cổ phiếu trọng cao su lớn.
Bán lẻ	2,10%	12,00%	20,60%	-2,90%	MWG và PNJ tiếp tục dẫn đầu ngành.
Tiêu dùng thiết yếu	10,10%	4,80%	18,80%	-7,70%	Các công ty sản xuất đồ uống kém hiệu quả như SAB và VNM đang bắt đầu có mức định giá hấp dẫn
Năng lượng	5,10%	10,80%	23,30%	-5,00%	Đợt tăng giá dầu thô hiện tại không bền vững và có thể không hỗ trợ LN cho các công ty năng lượng trong nửa cuối năm 2021. Tuy nhiên, triển vọng của GAS có thể sẽ hỗ trợ kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm của ngành.
Chăm sóc sức khỏe	0,70%	2,90%	4,70%	-1,60%	Với chu kỳ đi lên của nền kinh tế, chăm sóc sức khỏe vẫn năm ngoài.
Tài chính	37,20%	7,70%	17,40%	-16,90%	
Ngân hàng	33,90%	8,20%	18,20%	-17,80%	CTG, EIB, SHB, STB, VIB, SSB và LPB đang có mức định giá cao trong khi VCB, TCB và VPB vẫn ở mức hấp dẫn.
Các ngành công nghiệp	5,40%	-2,60%	12,60%	-12,70%	
Vận chuyển	3,20%	2,10%	22,70%	-18,10%	
Logistics	2,20%	-4,20%	28,90%	-24,60%	Các hãng hàng không tiếp tục chịu lỗ lớn trong 6T21 và có thể vẫn như vậy trong nửa cuối năm 21.
Hậu cần	0,70%	3,40%	10,60%	-3,90%	Các nhà khai thác cảng như GMD và VSC là những DN hưởng lợi lớn nhất từ sự bùng nổ thương mại ở Việt Nam trong năm nay.
Công nghệ thông tin	1,60%	6,80%	12,40%	-0,30%	
Nguyên vật liệu	7,00%	7,70%	13,20%	2,70%	
Thép	5,20%	10,90%	16,50%	6,30%	Mặc dù đã giảm nhẹ, giá thép vẫn ở mức cao, cho thấy một năm thành công đối với các nhà sản xuất thép.
BĐS	24,80%	11,40%	28,40%	-5,80%	Thị trường bất động sản nhiều khả năng sẽ phục hồi từ đáy của 6 tháng đầu năm. Sau đợt bùng phát Covid lần thứ 4, nhu cầu sẽ cải thiện, mang lại lợi ích cho các chủ đầu tư đã có quỹ đất lớn như VHM và NLG
Phương tiện dịch vụ công ích	1,90%	16,30%	20,30%	11,30%	Nhu cầu sẽ phục hồi trong nửa sau năm 2021 sau đợt bùng phát Covid lần thứ 4. Mùa mưa sẽ thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các công ty thủy điện.
VNIndex	100%	6,50%	17,20%	11,20%	

Nguồn: MKE VN. Cập nhật ngày 30/06/2021

4. 10 mã cổ phiếu được khuyến nghị bởi MKE

Dựa trên các cổ phiếu được khuyến nghị MUA trong danh mục, chúng tôi chọn ra 10 cổ phiếu mà chúng tôi cho là tốt nhất trong từng ngành được đề cập của chúng tôi. Chúng tôi sẽ theo dõi hoạt động của những cổ phiếu này trong báo cáo chiến lược hàng tháng của mình và có thể thêm cổ phiếu mới hoặc loại những cổ phiếu hiện có nếu chúng tôi tìm thấy ý tưởng đầu tư tốt hơn.

Hình 3: Hiệu suất theo tháng

Mã cổ phiếu	Thị giá (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Thay đổi giá (%)			Tiêu điểm chính (VND)	
			Từ đầu tháng	3T	(VND)		
ACV	75.300	88.000	12,7	2	-7	28,1	Cục Hàng không Việt Nam báo cáo lượng hành khách theo ngày giảm 70-80% trong T5/2021 và 90-95% trong T6/2021 (so với số liệu T3-T4/2021). Tuy nhiên, cơ quan này ước tính thị trường hàng không trong nước sẽ hồi phục từ giữa Q3/2021 nhờ vào việc vắc-xin được triển khai trên toàn cầu. Tổng số hành khách có thể đạt 70 triệu vào năm 2021, chỉ thấp hơn 10% so với mức tiền Covid.
GMD	43.000	49.900	16,1	24,1	31,9	127,5	Kết quả khả quan từ Gemalink đã giúp cổ phiếu GMD vượt trội hơn 10% so với VN-Index trong T6. Sản lượng của Gemalink Q2 đạt 200-220 nghìn teus, tăng gấp đôi so với Q1/2021. Cảng đang hoạt động với 90% công suất và dự kiến sẽ hoạt động hết công suất trong Q3 và đạt sản lượng 900 nghìn teus cả năm 2021. GMD đặt kế hoạch lợi nhuận tăng trưởng 23% n/n ở kịch bản trung bình và 37% ở kịch bản lạc quan. Do đó, chúng tôi nâng ước tính NPATMI 2021 của GMD thêm 6% và giá mục tiêu thêm 22% (xem báo cáo GMD: Nâng công suất lên mức tối đa)
HPG	51.500	65.000	-2,3	43,4	67,7	204,5	Giá thép T6 giảm 9% t/t đã khiến giá cổ phiếu HPG thể hiện kém hơn 9,1% so với thị trường. Chúng tôi ước tính LNST Q2 của HPG đạt 11 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với cùng kì, nhưng khá tương đồng với kì vọng của thị trường.
MWG	152.000	179.000	9,7	13,2	27,8	85,4	KQKD của Bách Hoá Xanh (BHX) tiếp tục bù đắp cho kết quả kém khả quan của Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện Máy Xanh (ĐMX). Doanh thu T5 của BHX tăng 36% n/n trong khi TGDD và ĐMX chỉ tăng trưởng một con số. Do ảnh hưởng của đợt bùng phát Covid-19 lần thứ 4, 630 cửa hàng (trong tổng số 2.626 cửa hàng) của TGDD và ĐMX phải đóng cửa hoặc hạn chế lượng khách vào cửa hàng từ cuối T5, dẫn đến KQKD gây thất vọng trong T6.
PNJ	100.100	116.000	-0,8	17,1	23,6	70,8	Với 1/3 số cửa hàng hoạt động tại TP.HCM, nơi đang chịu tác động bởi đợt bùng phát Covid lần thứ 4, KQKD T6 của PNJ có thể kém hơn T5/21 (doanh số bán lẻ T5/2021 tăng 50% n/n và doanh số vàng miếng tăng gấp 3 lần so với T5/2020). Giá vàng giảm 6,35% trong T6 cũng đang tác động đến giá cổ phiếu PNJ. Tuy nhiên, chúng tôi kì vọng nhu cầu mua vàng để phòng ngừa rủi ro lạm phát sẽ thúc đẩy KQKD của PNJ trong năm nay.
TCB	52.700	78.000	-1,9	28,5	67,3	166,2	TCB đã đạt hết hạn mức tăng trưởng tín dụng cả năm là 11,5% vào cuối T5 và đang xin sự chấp thuận của NHNN về hạn mức tín dụng mới là 20%. Chúng tôi ước tính lợi nhuận Q2 của TCB tăng 65% n/n.
VCB	116.400	128.300	18,1	20,1	18,9	40,7	Cổ phiếu VCB tăng tốt hơn 12% so với thị trường trong T6 khi các nhà đầu tư cá nhân kì vọng vào việc chia cổ tức bằng cổ phiếu của ngân hàng. Trong nửa đầu năm 2021, dư nợ tín dụng của VCB tăng 9% và ngân hàng đang chờ được chấp thuận để nâng hạn mức tăng trưởng tín dụng cả năm lên 13-14%, so với mức 10,5% hiện nay. Chúng tôi ước tính lợi nhuận Q2/2021 của VCB tăng ít nhất 21% so với cùng kì.
VHM	118.000	120.000	15	19,2	31,8	53,4	Cổ phiếu VHM tăng 8,9% so với thị trường trong T6 khi các nhà đầu tư cá nhân tiếp tục tin vào việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 130/100 (100 cổ phiếu hiện hữu sẽ có thêm 30 cổ phiếu mới). VHM đang trong quá trình đàm phán các giao dịch bán buôn với giá trị 10 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi ước tính VHM có thể ghi nhận doanh số bán buôn 36 nghìn tỷ đồng trong năm nay.
VPB	67.700	70.500	-2,2	47,5	108,3	213,4	VPB sẽ lấy ý kiến cổ đông về việc chia cổ tức bằng cổ phiếu vào T7/2021. Tỷ lệ đề xuất vẫn chưa được ngân hàng tiết lộ. VPB đã đạt hết hạn mức tăng trưởng tín dụng cả năm là 10,5% chỉ trong 5 tháng đầu năm và đang mong muốn tăng trưởng tín dụng được phân bổ thêm đến 20%. Chúng tôi ước tính lợi nhuận Q2 của VPB sẽ tăng 35% n/n.
VRE	31.750	41.700	8	-6,2	1,1	20	VRE phải trì hoãn việc mở thêm các trung tâm thương mại do ảnh hưởng của Covid-19. Trong năm 2021, VRE có kế hoạch bổ sung thêm 100 nghìn m ² mặt bằng bán lẻ để nâng tổng diện tích cho thuê lên 1,8 triệu m ²

Note: Cập nhật ngày 30/06/2021

Hình 4: Dự báo và định giá

Khuyến nghị và giá mục tiêu Công ty	Mã CP	Hệ số	Đơn vị	Dự báo và định giá				
				2018A	2019A	2020A	2021F	2022F
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	ACV VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	16.123	18.329	7.767	10.146	12.362
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	10.490	11.868	3.605	4.915	6.364
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	151,096	LN ròng	(tỷ đồng)	6.173	8.201	1.679	2.413	2.804
Thị giá (VND)	75,300	Core EPS	(VND)	2.835	3.767	771	1.108	1.288
Giá mục tiêu (VND)	88,000	Core P/E	(x)	35,3	21,7	105,1	67,9	58,5
Tiềm năng tăng giá (%)	16.9	P/B	(x)	2,5	1,3	4,7	4,3	4,2
		ROAE	(%)	21,2	24,3	4,5	6,4	7,3
		ROAA	(%)	12	14,7	2,9	4,2	4,9
		EV/ EBITDA	(x)	17,4	13,7	43,9	27,2	24,4
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	0	0	0	0
CTCP Gemadept	GMD VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	2.708	2.643	2.606	2.947	3.295
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	881	910	877	976	1.132
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	12,959	LN ròng	(tỷ đồng)	367	435	367	527	789
Thị giá (VND)	43,000	Core EPS	(VND)	1.236	1.464	1.217	1.749	2.617
Giá mục tiêu (VND)	49,900	Core P/E	(x)	21,2	15,9	26,8	24,6	16,4
Tiềm năng tăng giá (%)	20.0	P/B	(x)	1,2	1,1	1,5	1,9	1,8
		ROAE	(%)	30,2	8,8	6,3	8,9	12,8
		ROAA	(%)	3,5	4,3	3,7	5,4	7,4
		EV/ EBITDA	(x)	11,8	10,4	13,6	15	13,9
		Lợi suất cổ tức	(%)	36,3	6,4	3,7	3	3,7
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	HPG VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	55.836	63.658	90.119	151.733	161.690
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	12.358	11.626	20.086	39.327	38.411
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	230,360	LN ròng	(tỷ đồng)	8.601	7.578	13.506	30.430	33.490
Thị giá (VND)	51,500	Core EPS	(VND)	4.049	2.745	4.615	7.627	7.487
Giá mục tiêu (VND)	65,000	Core P/E	(x)	3,6	5,3	6,7	6,8	6,9
Tiềm năng tăng giá (%)	26.2	P/B	(x)	0,8	0,8	1,7	2,7	1,9
		ROAE	(%)	23,6	17,2	25,3	42,1	32,8
		ROAA	(%)	13,1	8,4	11,6	20,9	19,2
		EV/ EBITDA	(x)	4	6,1	6,1	5,8	6,4
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	3,4	0	0	0
CTCP Đầu tư Thế giới Di động	MWG VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	86.516	102.174	108.546	131.366	157.052
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	5.094	6.420	7.412	9.523	12.283
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	70,266	LN ròng	(tỷ đồng)	2.881	3.838	3.921	5.164	6.583
Thị giá (VND)	152,000	Core EPS	(VND)	6.497	8.663	8.664	11.185	13.979
Giá mục tiêu (VND)	179,000	Core P/E	(x)	13,4	13,2	13,7	13,6	10,9
Tiềm năng tăng giá (%)	18.8	P/B	(x)	4,3	4,2	3,5	3,5	3
		ROAE	(%)	38,7	36,4	28,4	29,2	29,8
		ROAA	(%)	11,3	11	8,9	10,6	12
		EV/ EBITDA	(x)	8,2	9,1	7,4	7,6	5,9
		Lợi suất cổ tức	(%)	1,7	1,3	1,3	1	1,3
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	14.571	17.001	17.511	21.770	25.677
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	1.305	1.684	1.578	1.962	2.427
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	22,750	LN ròng	(tỷ đồng)	931	1.176	1.059	1.378	1.720
Thị giá (VND)	100,100	Core EPS	(VND)	4.183	5.225	4.658	6.063	7.569
Giá mục tiêu (VND)	116,000	Core P/E	(x)	16,7	16,5	17,4	16,5	13,2
Tiềm năng tăng giá (%)	18.0	P/B	(x)	4,2	4,2	3,5	3,7	3,1
		ROAE	(%)	28,7	28,7	21,8	24,5	25,7
		ROAA	(%)	17	15,6	12,4	15	16,1
		EV/ EBITDA	(x)	13	13	12,6	12,5	10,2
		Lợi suất cổ tức	(%)	2,9	2,1	2,5	2,0	2,0

Nguồn: dữ liệu của doanh nghiệp, MBKE.

Lưu ý: Tiềm năng tăng giá đã bao gồm cổ tức bằng tiền mặt. Dữ liệu ngày 30/06/2021

Hình 5: Dự báo và định giá (tiếp theo)

Khuyến nghị và giá mục tiêu			Dự báo và định giá					
Công ty	Mã CP	Hệ số	Đơn vị	2018A	2019A	2020A	2021F	2022F
Ngân hàng TMCP Kí thương Việt Nam	TCB VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	18.350	21.068	27.042	32.617	38.582
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	12.507	13.756	18.411	22.345	26.339
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	184,457	LN ròng	(tỷ đồng)	8.443	10.043	12.325	15.542	18.878
Thị giá (VND)	52,700	Core EPS	(VND)	3.816	2.871	3.516	4.434	5.386
Giá mục tiêu (VND)	78,000	Core P/E	(x)	6,8	8,2	9	11,9	9,8
Tiềm năng tăng giá (%)	48.0	P/B	(x)	1,7	1,3	1,5	2,1	1,7
		ROAE	(%)	21,5	17,7	18,1	18,9	18,9
		ROAA	(%)	2,9	2,9	3	3,3	3,4
		EV/ EBITDA	(x)	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	0	0	0	0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	39.278	45.730	48.999	56.358	65.950
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	25.667	29.913	32.961	38.682	45.885
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	431,714	LN ròng	(tỷ đồng)	11.955	16.237	16.181	20.187	25.672
Thị giá (VND)	116,400	Core EPS	(VND)	3.323	4.388	4.363	5.443	6.922
Giá mục tiêu (VND)	128,300	Core P/E	(x)	16,1	20,6	22,4	21,4	16,8
Tiềm năng tăng giá (%)	10.2	P/B	(x)	3,1	4,1	3,7	3,6	3
		ROAE	(%)	20,9	22,7	18	18,5	19,5
		ROAA	(%)	1,1	1,4	1,3	1,4	1,6
		EV/ EBITDA	(x)	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
		Lợi suất cổ tức	(%)	1,5	0,9	0,8	0	0
CTCP Vinhomes	VHM VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	38.664	51.826	70.890	103.440	113.110
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	7.615	23.166	21.292	47.986	60.037
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	388,162	LN ròng	(tỷ đồng)	14.228	21.305	27.839	34.043	45.179
Thị giá (VND)	118,000	Core EPS	(VND)	4.248	6.361	8.311	10.164	13.488
Giá mục tiêu (VND)	120,000	Core P/E	(x)	17,3	13,3	10,8	11,6	8,7
Tiềm năng tăng giá (%)	1.7	P/B	(x)	5,1	4,4	3,3	3,3	2,4
		ROAE	(%)	56,8	43,1	39,3	34,3	33,8
		ROAA	(%)	16,6	13,4	13,5	14,7	16,6
		EV/ EBITDA	(x)	36,7	13,5	14,8	8,9	6,9
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	0	0	0	0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	31.086	36.356	39.033	46.205	53.852
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	20.452	24.012	27.641	33.834	39.508
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	165,036	LN ròng	(tỷ đồng)	7.356	8.260	10.417	12.304	14.953
Thị giá (VND)	67,700	Core EPS	(VND)	3.025	3.376	4.273	5.012	6.091
Giá mục tiêu (VND)	70,500	Core P/E	(x)	6,6	5,9	7,6	13,5	11,1
Tiềm năng tăng giá (%)	4.1	P/B	(x)	1,4	1,2	1,5	2,6	2,1
		ROAE	(%)	23,1	21,5	21,9	20,9	20,6
		ROAA	(%)	2,4	2,4	2,6	2,6	2,7
		EV/ EBITDA	(x)	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	0	0	0	0
CTCP Vincom Retail	VRE VN	Doanh thu/TOI	(tỷ đồng)	9.124	9.259	8.329	9.951	11.502
Khuyến nghị	Mua	EBITDA/PPE	(tỷ đồng)	4.048	5.030	4.569	4.816	5.964
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	73,946	LN ròng	(tỷ đồng)	2.404	2.851	2.382	2.341	3.232
Thị giá (VND)	31,750	Core EPS	(VND)	1.032	1.224	1.023	1.005	1.388
Giá mục tiêu (VND)	41,700	Core P/E	(x)	27	27,8	30,7	31,6	22,9
Tiềm năng tăng giá (%)	31.3	P/B	(x)	2,3	2,9	2,5	2,4	2,2
		ROAE	(%)	0	10,3	8,5	7,9	10,1
		ROAA	(%)	0	7,7	5,9	5,2	7,1
		EV/ EBITDA	(x)	16,1	16	16,3	15,6	12,4
		Lợi suất cổ tức	(%)	0	0	0	0	0

Nguồn: dữ liệu của doanh nghiệp, MBKE.

Lưu ý: Tiềm năng tăng giá đã bao gồm cổ tức bằng tiền mặt. Dữ liệu ngày 30/06/2021

5. Đánh giá thị trường tháng 6 năm 2021

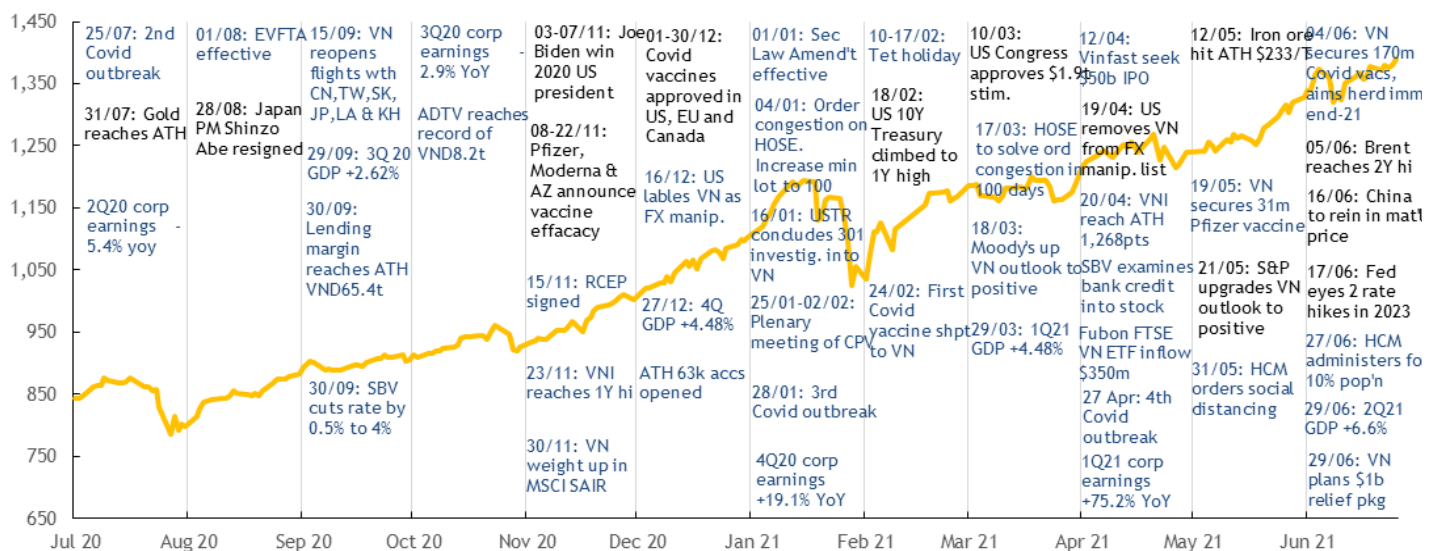
VNIndex vượt 1.400 điểm nhờ dòng tiền từ NĐT cá nhân vào tháng 6/2021 bất chấp tình hình Covid đáng lo ngại tại thành phố Hồ Chí Minh. 114.000 tài khoản giao dịch mới đã được mở vào tháng 5/2021, thiết lập một kỷ lục mới. Tính đến cuối tháng, VNIndex đã tăng 6,1% so với tháng trước, đóng cửa ở mức 1.408 điểm.

Tình hình hoạt động của ngành: Trong tháng 6/2021, với sự phục hồi của giá dầu thô toàn cầu, năng lượng (+14,3%) trở thành ngành hoạt động tốt nhất. Tiêu dùng không thiết yếu (+10%) đứng thứ hai nhờ cổ phiếu cao su GVR (+22,2%). Tài chính (+6,0%) và bất động sản (+5,2%) tăng tương đương với mức tăng của thị trường. Ở chiều ngược lại, nhóm ngành y tế (+4,0%), công nghiệp (+3,0%), CNTT (+3,4%), vật liệu (+2,5%) và phương tiện dịch vụ công ích (+2,9%) tăng chậm hơn so với thị trường.

Thanh khoản thị trường: Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng 10% so với tháng trước lên 22,6 nghìn tỷ đồng vào tháng 6/2021. Giá trị giao dịch lập kỷ lục mới là 30,9 nghìn đồng vào ngày 4/06. Tình trạng tắc nghẽn lệnh trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh vẫn diễn ra. Tuy nhiên, hệ thống mới của FPT sẽ đi vào hoạt động vào ngày 5/7, nâng công suất gấp 5 lần lên 3-5 triệu giao dịch mỗi phiên và sẽ thúc đẩy tâm lý của người tham gia thị trường.

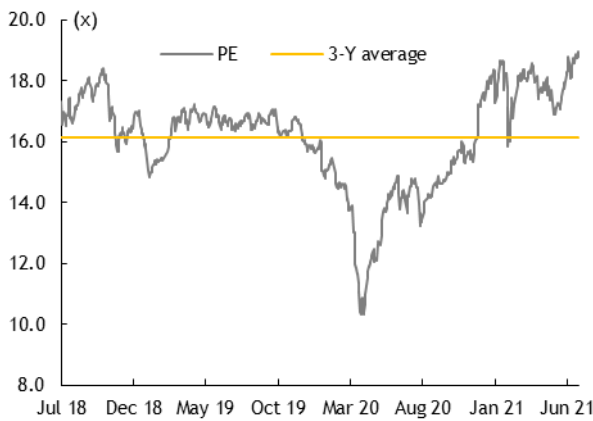
Các NĐT cá nhân trong nước đã mua ròng 9,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 6/2021 trong khi các tổ chức trong nước quay trở lại bán ròng 2,4 nghìn tỷ đồng. Khối ngoại thu hẹp lực bán ròng còn 7,1 nghìn tỷ đồng, giảm 45% so với tháng trước. Nhóm này bán ra cổ phiếu ở ngành nguyên liệu nhất (-4,4 nghìn tỷ đồng, tập trung vào HPG với 4,8 nghìn tỷ đồng) và cổ phiếu công nghiệp (-1,5 nghìn tỷ đồng). Đáng lưu ý, áp lực bán đối với ngành tài chính (-668 tỷ đồng so với -4 nghìn tỷ trong tháng 5/2021) và bất động sản (-238 tỷ đồng so với -2,6 nghìn tỷ đồng) giảm đáng kể. Về mặt tích cực, khối này đã mua ròng 987 tỷ đồng cổ phiếu năng lượng trong tháng 6/2021.

Hình 6: Sự kiện đáng chú ý



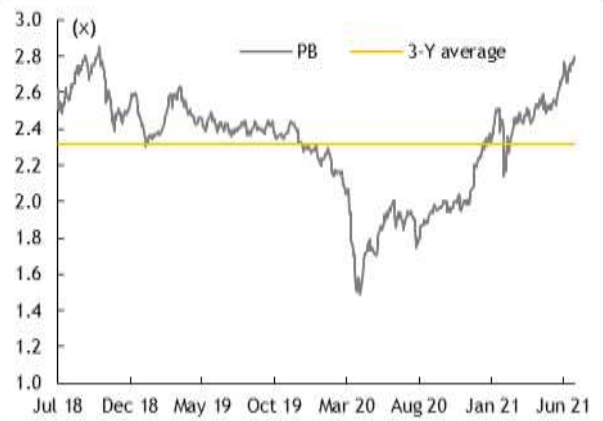
Nguồn: MKE VN, cập nhật 25/06/2021

Hình 7: VNIndex P/E



Nguồn: Bloomberg. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 8: VNIndex P/B



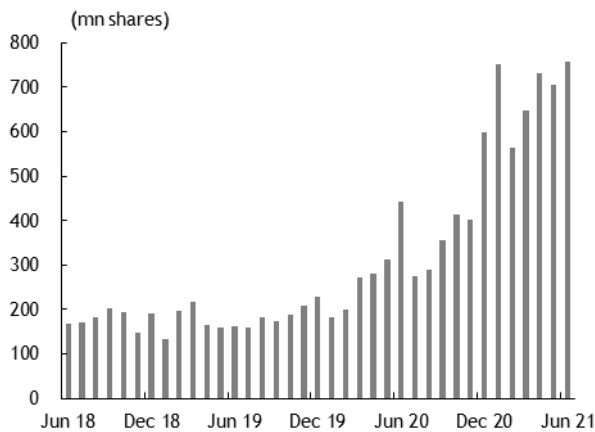
Nguồn: Bloomberg. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 9: Hiệu suất LN theo ngành

	2020												2021												Absolute				Relative to VNI					
	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	1M	3M	YTD	1Y	1M	3M	YTD	1Y
Consumer Discretionary	(2.3)	(12.6)	17.1	2.8	6.8	19.9	23.2	(6.7)	10.2	(2.0)	0.9	2.8	10.0	10.0	14.2	15.0	90.8	4.8	(5.4)	(10.9)	27.7	18.0	16.2	6.3	104.7	12.8	(3.5)	(19.7)	41.6					
Automobiles & Components	(4.1)	(14.7)	14.9	0.3	8.7	28.0	29.7	(16.9)	14.5	(4.3)	(4.7)	3.3	18.0	(0.7)	12.6	23.0	73.1	(6.0)	(7.0)	(2.9)	10.0	0.9	2.3	(4.9)	18.2	(4.3)	(17.3)	(30.8)	(44.9)					
Retailing	(0.9)	(10.6)	21.8	5.8	5.3	12.0	3.7	6.8	3.1	(0.8)	8.7	4.4	(0.7)	0.6	1.6	(6.1)	16.3	(4.6)	(18.0)	(32.0)	(46.8)	1.5	(6.5)	(16.3)	(2.9)	(3.7)	(26.1)	(42.2)	(66.0)					
Consumer Staples	(2.7)	(5.1)	10.4	5.3	6.3	3.0	2.8	(8.3)	7.0	(5.3)	(0.3)	1.7	0.9	(2.2)	(9.0)	16.2	(1.0)	(4.1)	14.2	5.0	(10.1)	17.6	(1.3)	(7.5)	2.9	14.3	14.3	8.7	13.5	36.8	9.0	(10.9)	(12.5)	(26.4)
Food Beverage & Tobacco	(2.8)	(5.1)	10.2	5.3	6.4	2.9	2.8	(8.4)	6.7	(5.4)	(0.4)	1.4	0.6	(1.8)	(4.3)	10.3	6.4	0.1	2.7	0.9	(9.2)	6.1	(7.1)	(4.0)	(4.1)	1.5	(0.8)	19.2	17.9	75.0	(6.1)	(0.4)	(8.0)	11.8
Beverages	(11.8)	(4.3)	10.3	6.4	0.1	2.7	0.9	(9.2)	6.1	(7.1)	(4.0)	(4.1)	1.5	(0.8)	19.2	17.9	75.0	(6.1)	(0.4)	(8.0)	11.8	(0.8)	19.2	17.9	75.0	(6.1)	(0.4)	(8.0)	11.8					
Food Products	(6.0)	(7.7)	10.1	1.7	27.7	3.3	8.8	(6.6)	7.9	(1.8)	7.3	12.0	(0.8)	(2.2)	(9.0)	16.2	(1.0)	(4.1)	14.2	5.0	(10.1)	17.6	(1.3)	(7.5)	2.9	14.3	14.3	8.7	13.5	36.8	9.0	(10.9)	(12.5)	(26.4)
Energy	(2.2)	(9.0)	16.2	(1.0)	(4.1)	14.2	5.0	(10.1)	17.6	(1.3)	(7.5)	2.9	14.3	4.0	3.6	4.8	22.4	(1.3)	(16.0)	(21.1)	(40.8)	6.0	30.0	37.9	89.0	0.8	10.4	12.0	25.9					
Health Care	0.3	(1.2)	10.4	0.7	(1.7)	4.3	3.8	(2.2)	2.3	1.2	(0.2)	(0.2)	4.0	4.7	29.5	38.9	87.3	(0.5)	9.9	13.0	24.2	4.0	3.6	4.8	22.4	(1.3)	(16.0)	(21.1)	(40.8)					
Financials	(0.4)	(8.2)	13.3	4.0	0.3	12.5	12.2	(7.3)	13.6	0.7	8.6	12.9	6.0	3.0	(1.8)	4.5	27.0	(2.3)	(21.4)	(21.4)	(36.2)	6.0	30.0	37.9	89.0	0.8	10.4	12.0	25.9					
Banks	(0.5)	(7.7)	13.1	3.9	0.0	12.6	10.5	(6.7)	14.2	0.7	9.3	13.2	4.7	1.4	6.4	13.0	43.5	(3.9)	(13.2)	(12.9)	(19.6)	4.7	29.5	38.9	87.3	(0.5)	9.9	13.0	24.2					
Industrials	(1.1)	(9.7)	12.4	5.1	(4.4)	10.5	7.8	(1.9)	8.4	0.1	(1.2)	(5.5)	3.0	4.1	(6.3)	(0.1)	18.5	(1.1)	(26.0)	(26.1)	(44.6)	3.0	(1.8)	4.5	27.0	(2.3)	(21.4)	(21.4)	(36.2)					
Capital Goods	2.9	(6.2)	16.9	3.7	(6.2)	8.2	10.1	0.1	4.8	1.2	5.9	(0.9)	1.4	4.1	(6.3)	(0.1)	18.5	(1.1)	(26.0)	(26.1)	(44.6)	1.4	6.4	13.0	43.5	(3.9)	(13.2)	(12.9)	(19.6)					
Transportation	(3.1)	(11.6)	10.0	5.9	(3.4)	11.8	6.7	(3.1)	10.5	(0.5)	(5.2)	(5.1)	4.1	4.1	(6.3)	(0.1)	18.5	(1.1)	(26.0)	(26.1)	(44.6)	4.1	(6.3)	(0.1)	18.5	(1.1)	(26.0)	(26.1)	(44.6)					
Air logistics	(3.7)	(14.3)	9.1	6.4	(5.4)	12.9	5.2	(2.8)	9.7	0.2	(6.0)	(7.8)	3.6	3.6	(10.1)	(4.0)	7.1	(1.6)	(29.7)	(29.9)	(56.1)	4.1	(6.3)	(0.1)	18.5	(1.1)	(26.0)	(26.1)	(44.6)					
Information Technology	(0.5)	(5.5)	13.1	1.8	0.3	8.5	6.4	5.8	19.3	0.5	5.2	15.2	3.4	3.4	25.3	58.8	100.0	(1.9)	5.7	32.9	36.8	3.4	25.3	58.8	100.0	(1.9)	5.7	32.9	36.8					
Materials	0.6	(6.1)	14.4	5.9	8.9	17.2	10.5	(3.6)	13.9	2.8	17.1	10.9	2.5	2.5	33.2	50.5	141.3	(2.8)	13.5	24.5	78.1	2.5	33.2	50.5	141.3	(2.8)	13.5	24.5	78.1					
Steel	0.3	(6.1)	12.0	7.1	16.0	20.9	14.8	(4.5)	16.1	2.3	24.5	16.8	2.4	2.4	48.8	68.9	206.3	(2.9)	29.2	42.9	143.1	2.4	48.8	68.9	206.3	(2.9)	29.2	42.9	143.1					
Real Estate	(1.5)	(2.0)	4.1	1.8	4.3	4.4	7.4	2.9	7.5	(0.7)	12.3	(0.1)	5.2	5.2	18.1	29.7	57.7	(0.0)	(1.6)	3.8	(5.5)	5.2	18.1	29.7	57.7	(0.0)	(1.6)	3.8	(5.5)					
Residential	(1.5)	(1.6)	2.9	1.6	6.3	3.6	7.0	0.7	8.3	(0.4)	14.6	0.2	5.4	5.4	21.1	31.5	59.4	0.1	1.5	5.6	(3.7)	5.4	21.1	31.5	59.4	0.1	1.5	5.6	(3.7)					
Industrial	2.9	(6.1)	19.9	(1.9)	(3.7)	10.8	7.7	21.7	2.7	(1.2)	(1.2)	(2.4)	4.5	4.5	0.8	34.8	71.1	(0.8)	(18.8)	8.9	8.0	4.5	0.8	34.8	71.1	(0.8)	(18.8)	8.9	8.0					
Commercial	(4.7)	(4.2)	8.4	4.4	(10.9)	9.7	13.2	2.1	3.6	(3.0)	(0.6)	(2.5)	3.4	3.4	0.2	2.8	23.2	(1.0)	(19.4)	(23.2)	(40.0)	3.4	0.2	2.8	23.2	(1.0)	(19.4)	(23.2)	(40.0)					
Utilities	0.4	(5.2)	8.4	3.5	(4.7)	7.3	12.4	(6.5)	5.1	(1.1)	(0.8)	(0.6)	2.9	2.9	1.4	(1.4)	20.7	(2.4)	(18.2)	(27.3)	(42.5)	2.9	1.4	(1.4)	20.7	(2.4)	(18.2)	(27.3)	(42.5)					
VNIndex Index	(1.4)	(6.3)	10.1	3.3	1.9	9.2	9.3	(4.3)	10.6	(0.5)	6.6	6.5	5.3	5.3	19.6	25.9	63.2	-	-	-	-	5.3	19.6	25.9	63.2	-	-	-	-					

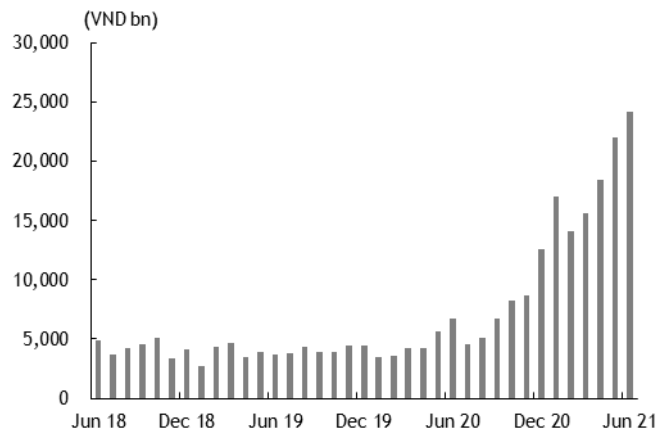
Nguồn: Bloomberg, MKE VN. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 10: Thanh khoản theo ngày (tr CP)



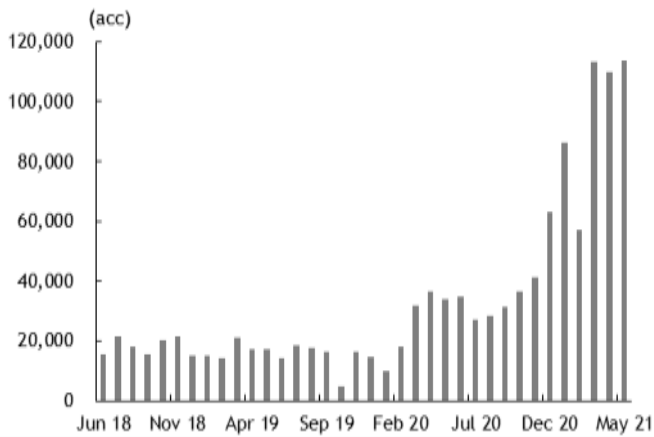
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 11: Giao dịch theo ngày (tỷ đồng)



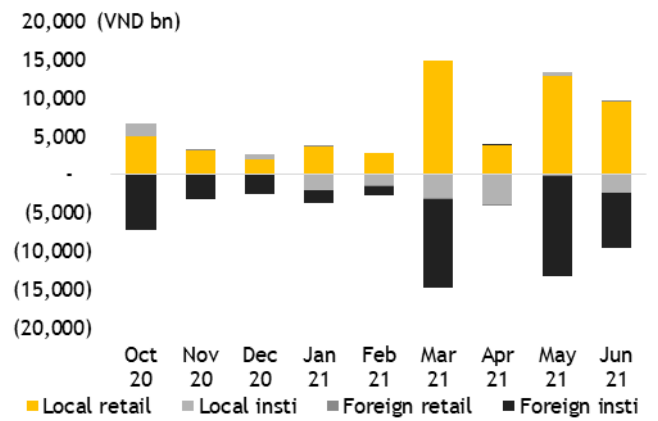
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 12: Số lượng tài khoản mở mới theo tháng



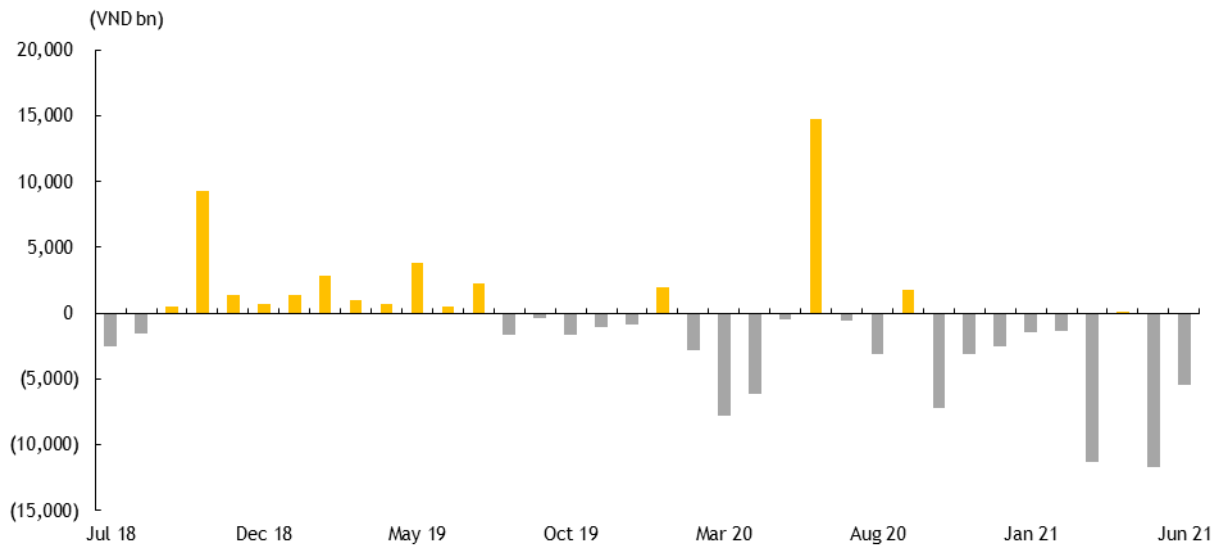
Nguồn: VSD

Hình 13: Mua/ bán ròng theo nhà đầu tư



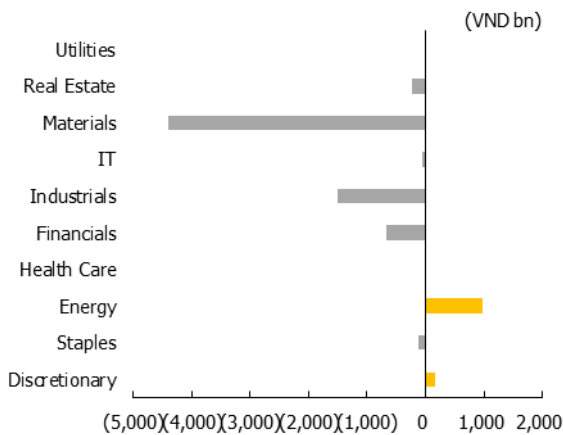
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 14: Khối ngoại mua/bán ròng



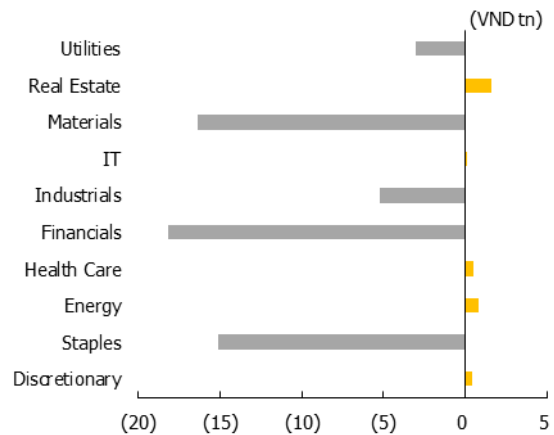
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 15: Khối ngoại mua/bán ròng theo ngành trong tháng (tỷ đồng)



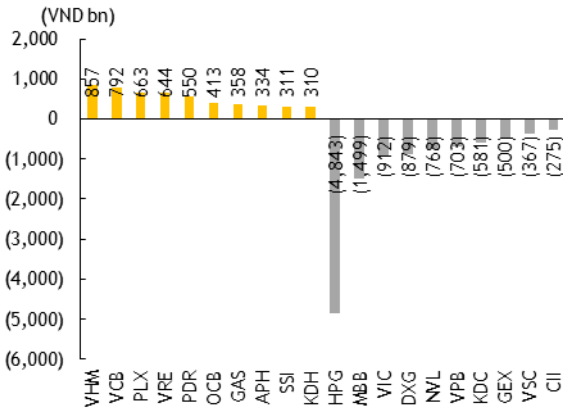
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 16: Khối ngoại mua/bán ròng theo ngành trong năm (tỷ đồng)



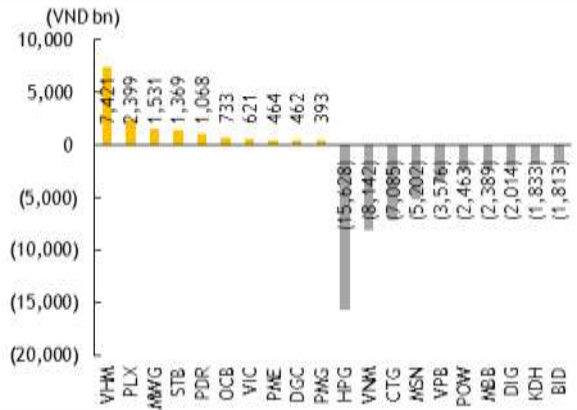
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 17: Top 10 mã CP được mua/bán ròng trong tháng (tỷ đồng)



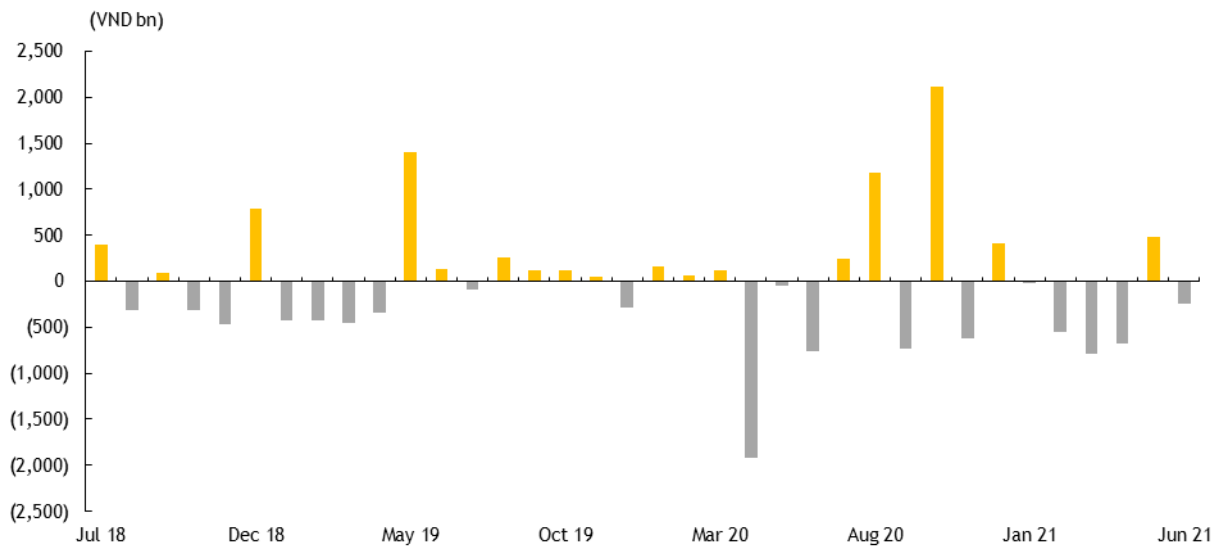
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 18: Top 10 mã CP được mua/bán ròng trong năm (tỷ đồng)



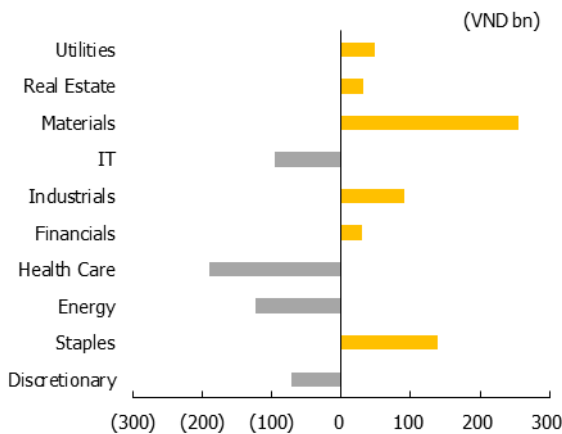
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 19: Mua/bán ròng theo tự doanh CTCK (tỷ đồng)



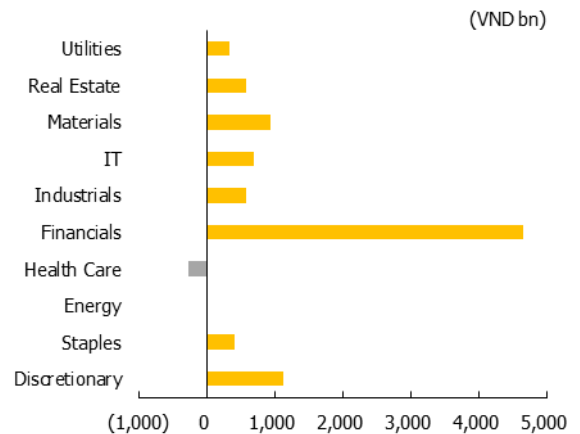
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 20: Khối tự doanh mua/bán ròng theo ngành trong tháng (tỷ đồng)



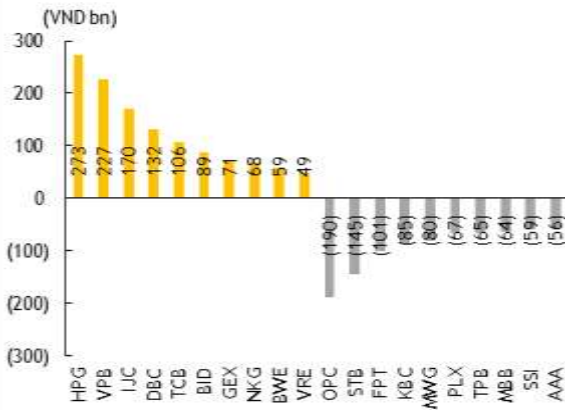
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 21: Khối tự doanh mua/bán ròng theo ngành trong năm (tỷ đồng)



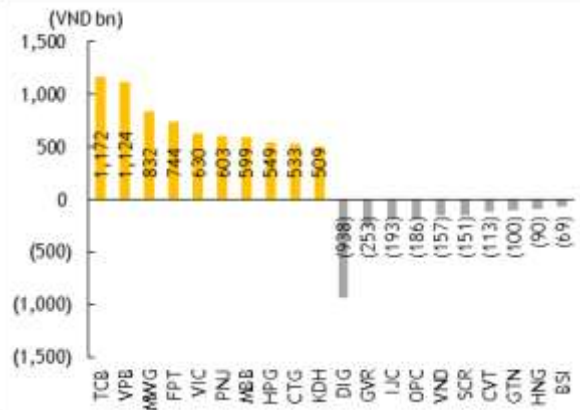
Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 22: Top 10 mã CP được mua/bán ròng trong tháng (tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 23: Top 10 mã CP được mua/bán ròng trong năm (tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 24: Các chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng của Việt Nam

	2017	2018	2019	2020E	2021E	2022E
GDP thực tế (%)	6,8	7,1	7	2,9	6,5	6,7
Tiêu dùng cá nhân (%)	7,3	7,3	7,4	0,6	6,2	7,1
Đầu tư công (%)	7,3	6,3	5,8	6,2	6	6,3
Tích lũy tài sản cố định gộp (%)	10,2	8,7	8,3	4,1	9	9
Xuất khẩu Hàng hóa & Dịch vụ (%)	16,7	14,3	6,7	3	11	12
Nhập khẩu Hàng hóa & Dịch vụ (%)	17,5	12,8	8,3	2,6	11,4	12,3
Cán cân tài khoản vãng lai (% GDP)	-0,7	2,4	4,8	4,6	4,3	4,8
Cán cân tài khóa (% GDP)	-2,7	-2,8	-3,3	-4,5	-4	-3,5
Tỷ lệ lạm phát (%)	3,5	3,5	2,8	3,2	3,5	3,8
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,2	2,2	2,2	2,7	2,5	2,2
Tỷ giá hối đoái (mỗi USD, cuối kỳ)	22.698	23.175	23.173	23.098	22.600	22.400
Trái phiếu chính phủ trong 10 năm (% , cuối kỳ)	5,14	5,15	3,56	2,61	3	3,3
Lãi suất chuẩn (% p.a., cuối kỳ)	6,25	6,25	6	4	4	4

Nguồn: CEIC, Maybank Kim Eng, Maybank GM FX Research

Hình 25: Tỷ giá hối đoái USD/VND

USD/VND	NHNN	Thị trường tự do	VCB
31/12/20	23.131	23.400	23,190
31/05/21	23.135	23.200	23,140
25/06/21	23.179	23.300	23,140
MTD	0,19%	0,43%	0.00%
YTD	0,21%	-0,43%	-0.22%

Nguồn: SBV, VCB, MKE VN. Cập nhật ngày 25/06/2021

Hình 26: Danh mục khuyến nghị bởi Maybank Kim Eng Vietnam

Công ty	Vốn hóa (nghìn tỷ đ)	KN	Giá (nghìn đ)	Giá MT	TT (nghìn đ)	Core EPS growth			P/E(x)			ROE (%) 22E	P/B (x)	DY (%) (nghìn tỷ đ)	
						(%)	20A	21E	22E	20A	21E				
Overweight															
Vietcombank	VCB VN	431,7	Mua	116,4	128,3	10,2	-0,6	24,8	27,2	22,4	21,4	16,8	18,5	3,6	0
Vinhomes	VHM VN	388,2	Mua	118	120	1,7	30,7	22,3	32,7	10,8	11,6	8,7	34,3	3,3	0
Hoa Phat	HPG VN	230,4	Mua	51,5	65	26,2	68,1	65,3	-1,8	6,7	6,8	6,9	42,1	2,7	0
Vinamilk	VNM VN	188,8	Mua	90,4	105,4	21,5	4,9	2,3	5,9	20,5	16,7	15,8	35,2	5,7	5
Techcombank	TCB VN	184,5	Mua	52,7	78	48	22,5	26,1	21,5	9	11,9	9,8	18,9	2,1	0
Viet. Prosp. Bnk	VPB VN	165	Mua	67,7	70,5	4,1	26,5	17,3	21,5	7,6	13,5	11,1	20,9	2,6	0
Aviation Corp	ACV VN	163,9	Mua	75,3	88	16,9	-79,5	43,8	16,2	105,1	67,9	58,5	6,4	4,3	0
Novaland	NVL VN	128,3	Mua	121	152,8	26,3	15,8	142,9	-35,4	15,3	11,7	18,1	30,4	3	0
FPT Corp	FPT VN	79,3	Mua	88	90,2	4,9	12,4	23,6	22,6	14,3	19,9	16,2	25,5	4,3	2
Vincom Retail	VRE VN	73,9	Mua	31,8	41,7	31,3	-16,5	-1,7	38	30,7	31,6	22,9	7,9	2,4	0
Mobileworld	MWG VN	70,3	Mua	152	179	18,8	0	29,1	25	13,7	13,6	10,9	29,2	3,5	1
P. Nhuan Jewel	PNJ VN	22,8	Mua	100,1	116	18	-10,9	30,2	24,8	17,4	16,5	13,2	24,5	3,7	2
Gemadept	GMD VN	13	Mua	43	49,9	20	-16,9	43,6	49,6	26,8	24,6	16,4	8,9	1,9	3
Nhon Trach Pow	NT2 VN	5,9	Mua	20,5	28,4	38,5	-19,7	12,8	-3,7	9,7	8,6	9	17,6	1,5	12,2
Least preferred															
PetroViet Gas	GAS VN	178	Năm giữ	93	73,9	-15,2	-32,9	9,1	9,7	22,3	20,4	18,6	17,4	3,5	4,3
Military Bank	MBB VN	121,3	Năm giữ	43,4	35,6	-17,9	8,5	27,2	19,9	7,6	11,4	9,5	20	2,1	0
Asia Com. Bank	ACB VN	96,5	Năm giữ	35,7	31,12	-12,8	26,3	30,4	20,4	8	9,7	8,1	24,5	2,1	0
PV Power	POW VN	28,2	Năm giữ	12,1	15,1	25,3	-5,8	-17,3	4,8	13,5	14,4	13,8	6,8	1	0
PetroViet Tech	PVS VN	17	Năm giữ	28,8	14,5	-49,7	-14	-16,2	-28,4	17,5	20,9	29,1	5,2	1,1	2,4
DHG Pharma	DHG VN	12,5	Năm giữ	95,6	107,7	16,1	22,4	4,9	3,8	16,6	15,8	15,2	21,2	3,1	4,2
PetroViet Drill	PVD VN	9,3	Năm giữ	22	11,2	-49,1	62,2	-92,1	553	57,3	nm	110,9	0,1	0,7	0
Ha Tien 1	HT1 VN	6,1	Mua	16	18	19,9	-13,9	13,7	11,3	9,5	8,4	7,5	12,7	1	9,4

Nguồn: Maybank Kim Eng. Cập nhật ngày 30/06/2021

Phục lục 1: Điều khoản cho việc cung cấp báo cáo và những khuyến cáo

Khuyến nghị

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích lưu hành chung và cung cấp thông tin và báo cáo này không có ý định hoặc được xem là những đề nghị mua hoặc bán cổ phiếu được đề cập ở đây trong bất kỳ trường hợp nào. Nhà đầu tư nên lưu ý rằng giá trị của những cổ phiếu này có thể dao động và giá trị hoặc giá của mỗi cổ phiếu có thể tăng hoặc giảm. Những quan điểm và khuyến nghị bao gồm ở đây đều dựa vào hệ thống đánh giá kỹ thuật và cơ bản, Hệ thống đánh giá kỹ thuật có thể khác hệ thống đánh giá cơ bản bởi vì việc định giá kỹ thuật sử dụng nhiều phương pháp khác nhau và chỉ dựa vào các thông tin về giá và khối lượng giao dịch được trích từ thị trường chứng khoán vào việc phân tích cổ phiếu. Do đó, lợi nhuận của nhà đầu tư có thể thấp hơn tổng số vốn đầu tư ban đầu. Các kết quả trong quá khứ không nhất thiết là những chỉ dẫn của các kết quả trong tương lai. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp những tư vấn đầu tư cá nhân và cũng không xem xét mục đích đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và yêu cầu đặc biệt của những người nhận và đọc báo cáo này. Vì vậy nhà đầu tư chỉ nên tìm kiếm những ý kiến về tài chính, luật pháp và những khuyến nghị khác liên quan đến sự phù hợp của việc đầu tư vào bất kỳ cổ phiếu nào hoặc những chiến lược đầu tư được thảo luận và khuyến nghị trong báo cáo này.

Những thông tin trong báo cáo này được trích từ những nguồn được tin là đáng tin cậy nhưng những nguồn này không được xác minh một cách độc lập bởi Maybank Investment Bank Berhad, các công ty con và công ty liên kết (có thể được gọi là "MKE") và vì vậy không đại diện cho tính xác thực và đồng bộ của báo cáo này bởi MKE và do đó không nên dựa vào những nguồn như vậy. Vì vậy, MKE và tất cả nhân viên, giám đốc, chuyên viên và các tổ chức và/hoặc nhân viên liên quan (có thể gọi là "Đại diện") sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ những tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp mà có thể phát sinh từ việc sử dụng hoặc dựa vào báo cáo này. Bất kỳ những thông tin, quan điểm hoặc khuyến nghị nào bao gồm trong báo cáo này có thể thay đổi vào bất cứ lúc nào mà sẽ không được thông báo trước.

Báo cáo này có thể bao gồm những phát biểu dự báo mà thường hoặc không phải lúc nào cũng được nhận biết bằng cách sử dụng các từ ngữ như "đoán trước", "tin rằng", "ước tính", "dự tính", "kế hoạch", "kỳ vọng", "dự phóng" và "dự báo" và những phát biểu rằng một sự kiện hoặc kết quả như "có thể", "sẽ", "có thể", hoặc "nên" xảy ra hoặc đạt được và những phát biểu tương tự khác. Những phát biểu dự báo như vậy được dựa vào những giả định và thông tin được công bố cho chúng tôi và có thể chịu những rủi ro và không chắc chắn mà có thể làm cho kết quả thực tế khác nhiều so với những kết quả được đưa ra trong những phát biểu dự báo. Người đọc phải cẩn thận không được thay thế những thông tin liên quan trước đó vào những phát biểu dự báo này sau ngày phát hành hoặc phản ánh sự xảy ra của những sự kiện không được dự báo trước.

MKE và tất cả chuyên viên, giám đốc và nhân viên bao gồm những người liên quan đến việc chuẩn bị và phát hành báo cáo này có thể tham gia hoặc đầu tư vào những giao dịch tài chính với tổ chức phát hành cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này (trong một vài trường hợp có thể được luật cho phép), thực hiện những dịch vụ hoặc thu hút việc kinh doanh từ những tổ chức phát hành và/hoặc có một vị trí hoặc đang nắm giữ hoặc những lợi ích quan trọng khác hoặc những giao dịch khác đối với những cổ phiếu hoặc những quyền hoặc những quan hệ đầu tư khác. Hơn nữa, công ty có thể công bố trên thị trường những cổ phiếu được đề cập bằng những công cụ được trình bày trong báo cáo này, MKE có thể (theo luật định) hành động dựa vào hoặc sử dụng những thông tin được trình bày ở đây, hoặc dựa vào những nghiên cứu hoặc phân tích trước khi những tài liệu này được phát hành. Một hoặc nhiều hơn các giám đốc, chuyên viên và/hoặc nhân viên của MKE có thể là giám đốc của những tổ chức phát hành những cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này.

Báo cáo này được thực hiện cho khách hàng của MKE sử dụng và không được báo cáo lại, thay đổi bất kỳ hình thức nào, chuyển giao, sao chép hoặc phân phối tới bất kỳ tổ chức nào hoặc bất kỳ hình thức nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của MKE và MKE và những đại diện đồng ý không có trách nhiệm gì đối với những hành động của các bên thứ ba trên khía cạnh này.

Báo cáo này không được hướng dẫn hay nhằm mục đích phân phối hoặc sử dụng bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức là công dân hoặc cư trú tại những địa phương, tỉnh (tiểu bang), quốc gia nơi mà việc phân phối, phát hành, hoặc sử dụng có thể trái với luật hoặc quy định. Báo cáo này chỉ được phân phối trong những trường hợp được chấp thuận bởi pháp luật hiện hành. Các cổ phiếu được đưa ra ở đây có thể phù hợp cho mục đích bán trong tất cả các khu vực hoặc đối với những nhà đầu tư nhất định. Không có định kiến đối với những dự báo sau này, người đọc nên lưu ý rằng những tuyên bố trách nhiệm khác, cảnh báo hoặc những hạn chế có thể được áp dụng dựa vào vị trí địa lý của cá nhân hoặc tổ chức tiếp nhận báo cáo này.

Malaysia

Những quan điểm hoặc khuyến nghị bao gồm ở đây trong mọi hình thức phân tích kỹ thuật hoặc cơ bản, Phân tích kỹ thuật có thể khác với phân tích cơ bản vì việc định giá kỹ thuật áp dụng những phương pháp khác nhau và chỉ dựa vào những thông tin về giá và khối lượng giao dịch được trích từ Bursa Malaysia Securities Berhad trong phân tích chứng khoán,

Singapore

Báo cáo này được thực hiện vào ngày và những thông tin trong đây có thể chịu sự thay đổi, Maybank Kim Eng Research Pte Ltd, ("Maybank KERPL") ở Singapore không có trách nhiệm phải cập nhật những thông tin này cho người nhận. Đối với việc phân phối báo cáo này tại Singapore, người nhận báo cáo này phải liên hệ với Maybank KERPL ở Singapore về những vấn đề phát sinh từ hoặc liên hệ với báo cáo này. Nếu người nhận báo cáo này không phải là nhà đầu tư được cấp phép, những nhà đầu tư chuyên nghiệp hoặc những tổ chức (được quy định tại Điều 4A của Luật về cổ phiếu và giao dịch tương lai của Singapore), Maybank KERPL sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với nội dung của báo cáo này với những trách nhiệm được giới hạn theo quy định của pháp luật.

Thái Lan (Thailand)

Việc công bố những kết quả điều tra của Học Viện Hiệp hội các Giám Đốc của Thái Lan (Thai Institute of Directors Association - IOD) về quản trị doanh nghiệp được thực hiện bởi những người tham gia hoạch định chính sách của Văn phòng Ủy Ban Thị trường chứng khoán. Các điều tra của IOD dựa vào thông tin của những công ty niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Thái Lan và Thị trường đầu tư tài sản thay thế được công bố rộng rãi và có thể được đánh giá bởi nhà đầu tư. Do đó, kết quả này là từ quan điểm của bên thứ ba. Nó không phải là việc đánh giá hoạt động và không dựa vào những thông tin nội bộ. Kết quả điều tra này sẽ được công bố trong báo cáo quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết tại Thái Lan vào ngày phát hành. Vì vậy những điều tra này có thể bị thay đổi sau ngày phát hành, Maybank Kim Eng Securities (Thái Lan) Public Company Limited ("MBKET") không xác nhận hay chứng nhận về tính chính xác của những kết quả điều tra này.

Ngoại trừ khi được cho phép đặc biệt, không phần nào của báo cáo này có thể được viết lại hoặc phân phối lại dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép bằng văn bản trước của MBKET, MBKET sẽ không chịu trách nhiệm gì đối với mọi hành động của bên thứ ba về khía cạnh này.

Mỹ (US)

Báo cáo mà được thực hiện bởi MKE được phân phối tại Mỹ ("US") tới các nhà đầu tư tổ chức chủ yếu tại Mỹ (được quy định tại điều 15a-6 bởi Luật thị trường chứng khoán năm 1934 đã được sửa đổi) chỉ bởi Maybank Kim Eng Securities USA Inc ("Maybank KESUSA"), công ty môi giới đăng ký tại Mỹ (đăng ký tại Điều 15 của Luật thị trường chứng khoán sửa đổi năm 1934). Tất cả mọi trách nhiệm của việc phân phối báo cáo này của Maybank KESUSA tại Mỹ sẽ được thực hiện bởi Maybank KESUSA. Tất cả những kết quả giao dịch của các cá nhân và tổ chức tại Mỹ sẽ được thực hiện thông qua công ty môi giới đã đăng ký tại Mỹ. Báo cáo này sẽ không được hướng dẫn cho nhà đầu tư nếu MKE bị cấm hoặc bị giới hạn cung cấp cho nhà đầu tư bởi bất kỳ quy định hoặc điều luật nào tại các lãnh thổ. Nhà đầu tư nên chấp thuận trước khi đọc báo cáo mà Maybank KESUSA được phép cung cấp những công cụ nghiên cứu về đầu tư được quy định bởi những quy định và điều luật.

Anh (UK)

Báo cáo này được phân phối bởi Maybank Kim Eng Securities (London) Ltd ("Maybank KESL") được cấp phép và quy định bởi Cơ quan dịch vụ tài chính và chỉ cho mục đích cung cấp thông tin. Báo cáo này không nhằm mục đích phân phối tới những kỳ cá nhân nào được định nghĩa là khách hàng cá nhân được quy định tại Luật về thị trường và dịch vụ năm 2010 tại UK. Bất kỳ sự bao gồm nào của bên thứ ba nào đều chỉ cho sự thuận tiện của người nhận và công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những bình luận hay tính chính xác, và việc tiếp cận những mối liên hệ như thể là rủi ro riêng của những cá nhân. Không điều nào trong báo cáo này được xem như những tư vấn về thuế, kế toán hoặc luật pháp và những người nhận phù hợp nên tham khảo với những cơ quan tư vấn thuế độc lập.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công bố tổ chức hợp pháp

Malaysia: Báo cáo này được phát hành và phân phối tại Malaysia bởi Maybank Investment Bank Berhad (15938-H), là một tổ chức tham gia vào Bursa Malaysia Berhad và một tổ chức được cấp phép dịch vụ và thị trường tài chính được ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Malaysia, **Singapore:** Báo cáo này được phát hành và phân phối tại Singapore bởi Maybank KERPL (Co, Reg No 197201256N) được quy định bởi Cơ quan Tiền tệ Singapore, **Indonesia:** PT Kim Eng Securities ("PTKES") (Reg, No, KEP-251/PM/1992) là một tổ chức của Thị trường chứng khoán Indonesia và được quy định bởi BAPEPAM LK, **Thailand:** MBKET (Reg, No,0107545000314) là một thành viên của Thị trường chứng khoán Thái Lan và được quy định bởi Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán, **Philippines:** MATRKES (Reg, No,01-2004-00019) là một thành viên của Thị trường chứng khoán Philippines và được quy định bởi Ủy ban chứng khoán, **Việt Nam:** Công Ty TNHH Một Thành Viên Chứng Khoán Maybank Kim Eng (giấy phép số 117/GP-UBCK) được cấp phép bởi Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam, **Hong Kong:** KESHK (Central Entity No AAD284) được quy định Ủy ban thị trường tương lai và chứng khoán, **Ấn Độ (India):** Công ty chứng khoán Kim Eng Ấn Độ ("KESI") là thành viên của Thị trường chứng khoán quốc gia Ấn Độ (Reg No: INF/INB 231452435) và thị trường chứng khoán Bombay (Reg, No, INF/INB011452431) và được quy định bởi Hội đồng thị trường chứng khoán Ấn Độ, KESI được đăng ký với SEBI tại Điều 1 Merchant Banker (Reg, No, INM 000011708) **US:** Maybank KESUSA là thành viên của/ và được cấp phép theo quy định của FINRA – Broker ID 27861, **UK:** Maybank KESL (Reg No 2377538) là đơn vị được cấp phép theo quy định của Cơ quan dịch vụ tài chính,

Tuyên bố lợi ích

Malaysia: MKE và đại diện có thể giữ những vị trí hoặc có lợi ích quan trọng đối với những cổ phiếu được đề cập tại đây và có thể có những hoạt động khác như tạo lập thị trường hoặc có thể có những cam kết phát hành hoặc liên quan đến những cổ phiếu đó và cũng có thể thực hiện hoặc tìm kiếm những dịch vụ ngân hàng đầu tư, tư vấn và những dịch vụ khác hoặc có liên quan đến những công ty này,

Singapore: Vào ngày 20/8/2012, Maybank KERPL và chuyên viên phân tích phụ trách không có bất cứ lợi ích nào trong những công ty được khuyến nghị trong báo cáo này,

Thailand: MBKET có thể có quan hệ kinh doanh với hoặc có thể là tổ chức phát hành quyền mua phái sinh trên những cổ phiếu hoặc công ty được đề cập trong báo cáo này, Do đó, nhà đầu tư nên tự có những đánh giá trước khi quyết định đầu tư, MBKET, chuyên viên và những giám đốc, những tổ chức liên quan và/hoặc nhân viên có thể có lợi ích và/hoặc những cam kết phát hành đối với những cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này,

Hong Kong: KESHK có thể có lợi ích tài chính liên qua đến tổ chức phát hành hoặc tổ chức niêm yết mới tiềm năng được định nghĩa bởi những quy định trong điều 16,5(a) của Quy định về Đạo đức nghề nghiệp cá nhân tại Hong Kong được cấp phép và đăng ký với Ủy ban thị trường cổ phiếu và tương lai,

Vào ngày phát hành báo cáo, KESHK và chuyên viên phân tích phụ trách không có bất kỳ lợi ích nào trong những công ty được khuyến nghị trong báo cáo này,

NHỮNG KHUYẾN CÁO KHÁC

Xác nhận độc lập của chuyên viên phân tích

Những quan điểm được đề cập trong báo cáo này phản ánh chính xác những quan điểm cá nhân của chuyên viên phân tích về bất kỳ hoặc tất cả các cổ phiếu hoặc tổ chức phát hành; và chuyên viên phân tích đã, đang và sẽ không có bất kỳ sự bồi thường nào trực tiếp và gián tiếp liên quan đến những khuyến nghị hoặc quan điểm được đưa ra trong báo cáo này,

Lưu ý

Các chứng khoán cấu trúc là những công cụ phức tạp, tiêu biểu như bao gồm mức độ rủi ro cao và nhằm mục đích bán cho những nhà đầu tư cao cấp, những người có thể hiểu và chấp nhận những rủi ro liên quan, Giá trị thị trường của những chứng khoán cấu trúc (structured securities) có thể bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về yếu tố kinh tế, tài chính và chính trị (bao gồm nhưng không giới hạn lãi suất hiện tại và tương lai), thời gian đáo hạn (time to maturity), điều kiện thị trường và những biến động và chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành hoặc bảo lãnh phát hành, Những nhà đầu tư quan tâm đến việc mua những sản phẩm cấu trúc nên có những phân tích riêng về sản phẩm này và tham khảo với các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp về những rủi ro liên quan đến giao dịch mua,

Không phần nào của báo cáo này có thể được sao chép, sao in hoặc lặp lại trong bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại mà không có sự đồng ý của MKE,

Định nghĩa hệ thống khuyến nghị đầu tư của MKE

Maybank Kim Eng Research sử dụng hệ thống đánh giá như sau

MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng hơn 15% (chưa bao gồm cổ tức)
GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng giữa -15% đến 15% (chưa bao gồm cổ tức)
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng dưới 15% (chưa bao gồm cổ tức)

Áp dụng khuyến nghị đầu tư

Chuyên viên phân tích duy trì việc phân tích các cổ phiếu và danh sách cổ phiếu có thể được điều chỉnh tùy theo yêu cầu từng thời điểm, Khuyến nghị đầu tư chỉ áp dụng cho các cổ phiếu trong danh sách, Báo cáo về các công ty không nằm trong danh sách sẽ không thực hiện định giá và khuyến nghị,

Malaysia

Maybank Investment Bank Berhad
 (A Participating Organisation of Bursa
 Malaysia Securities Berhad)
 33rd Floor, Menara Maybank,
 100 Jalan Tun Perak,
 50050 Kuala Lumpur
 Tel: (603) 2059 1888;
 Fax: (603) 2078 4194

Stockbroking Business:
 Level 8, Tower C, Dataran Maybank,
 No.1, Jalan Maarof
 59000 Kuala Lumpur
 Tel: (603) 2297 8888
 Fax: (603) 2282 5136

Philippines

**Maybank ATR Kim Eng Securities
 Inc,**
 17/F, Tower One & Exchange Plaza
 Ayala Triangle, Ayala Avenue
 Makati City, Philippines 1200

 Tel: (63) 2 849 8888
 Fax: (63) 2 848 5738

South Asia Sales Trading

Kevin FOY
 kevinfoy@maybank-ke.com.sg
 Tel: (65) 6336-5157
 US Toll Free: 1-866-406-7447

Singapore

**Maybank Kim Eng Securities Pte Ltd
 Maybank Kim Eng Research Pte Ltd**
 9 Temasek Boulevard
 #39-00 Suntec Tower 2
 Singapore 038989

 Tel: (65) 6336 9090
 Fax: (65) 6339 6003

Hong Kong

Kim Eng Securities (HK) Ltd
 Level 30,
 Three Pacific Place,
 1 Queen's Road East,
 Hong Kong

 Tel: (852) 2268 0800
 Fax: (852) 2877 0104

Thailand

**Maybank Kim Eng Securities
 (Thailand) Public Company Limited**
 999/9 The Offices at Central World,
 20th - 21st Floor,
 Rama 1 Road Pathumwan,
 Bangkok 10330, Thailand

 Tel: (66) 2 658 6817 (sales)
 Tel: (66) 2 658 6801 (research)

North Asia Sales Trading

Alex TSUN
 alextsun@kimeng.com,hk
 Tel: (852) 2268 0228
 US Toll Free: 1 877 837 7635

London

**Maybank Kim Eng Securities
 (London) Ltd**
 6/F, 20 St, Dunstan's Hill
 London EC3R 8HY, UK

 Tel: (44) 20 7621 9298
 Dealers' Tel: (44) 20 7626 2828
 Fax: (44) 20 7283 6674

Indonesia

PT Maybank Kim Eng Securities
 Plaza Bapindo
 Citibank Tower 17th Floor
 Jl Jend, Sudirman Kav, 54-55
 Jakarta 12190, Indonesia

 Tel: (62) 21 2557 1188
 Fax: (62) 21 2557 1189

Vietnam

**Maybank Kim Eng Securities
 Limited**
 4A-15+16 Floor Vincom Center Dong
 Khoi, 72 Le Thanh Ton St, District 1
 Ho Chi Minh City, Vietnam

 Tel : (84) 844 555 888
 Fax : (84) 8 38 271 030

New York

Maybank Kim Eng Securities USA Inc
 777 Third Avenue, 21st Floor
 New York, NY 10017, U,S,A,

 Tel: (212) 688 8886
 Fax: (212) 688 3500

India

Kim Eng Securities India Pvt Ltd
 2nd Floor, The International 16,
 Maharishi Karve Road,
 Churchgate Station,
 Mumbai City - 400 020, India

 Tel: (91),22,6623,2600
 Fax: (91),22,6623,2604

Saudi Arabia

In association with
**Anfaal Capital
 Limited**
 Villa 47, Tujjar Jeddah
 Prince Mohammed bin Abdulaziz
 Street P.O, Box 126575
 Jeddah 21352

 Tel: (966) 2 6068686
 Fax: (966) 26068787

www.maybank-ke.com | www.maybank-keresearch.com